

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản; quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4831/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản; quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

★ Lê Trọng Yên



**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN; QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Kèm theo Quyết định số 2293 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH (01 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản Mã TTHC: 1.014466	- Đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hợp lệ; - Đối với khoáng sản nhóm III: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Mức thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024 /TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.	- Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN (01 TTHC)

1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản (Mã TTHC: 1.014466)

- Áp dụng tại các cơ quan: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND tỉnh.

- Thời gian giải quyết:

+ Đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hợp lệ;

+ Đối với khoáng sản nhóm III: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hợp lệ.

Lưu ý: Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định kéo dài thêm tối đa (25 ngày).

1.1. Đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ:

Đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hợp lệ (52 ngày tại Sở Nông nghiệp và Môi trường; 03 ngày tại TTPVHCC; 05 ngày tại UBND tỉnh).

Lưu ý: Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định kéo dài thêm tối đa (25 ngày).

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	- Bộ phận một cửa là cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; + Trường hợp hồ sơ đầy đủ lập phiếu tiếp nhận, thu phí thẩm định và chuyển cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng: Trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	03 ngày
B2	Phân công thực hiện	Lãnh đạo Phòng Địa chất và Khoáng sản	01 ngày

B3	- Kiểm tra hồ sơ; - Tham mưu Lãnh đạo Sở gửi Văn bản lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia về các nội dung có liên quan trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để phục vụ thẩm định hoặc trình Hội đồng tư vấn kỹ thuật để thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (trong trường hợp cần thiết). + Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, tham mưu Lãnh đạo Sở có Văn bản không thụ lý hồ sơ nêu rõ lý do (trả hồ sơ). + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện Báo cáo thăm dò khoáng sản, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua báo cáo hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo kèm theo biên bản phiên họp của Hội đồng và bản nhận xét của các ủy viên Hội đồng. (tạm dừng: 25 ngày).	Phòng Địa chất và Khoáng sản	40 ngày
B4	Tiếp tục thẩm định hồ sơ, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	Phòng Địa chất và Khoáng sản	08 ngày
B5	Xem xét hồ sơ, ký Tờ trình	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	03 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Thẩm định, xử lý hồ sơ, tham mưu Lãnh đạo UBND tỉnh việc quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, trường hợp không công nhận có văn bản nêu rõ lý do	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày
B9	Xem xét hồ sơ, ký nháy Quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hoặc văn bản không công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B10	Xem xét hồ sơ và ký Quyết định công nhận kết quả thăm dò hoặc Văn bản không công nhận kết quả thăm dò	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B11	UBND tỉnh trả hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày

B12	Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện TTHC và số hóa; chuyển toàn bộ hồ sơ và kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày
B13	Thông báo cho các tổ chức, cá nhân để nhận kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

1.2. Đối với khoáng sản nhóm III:

Đối với khoáng sản nhóm III: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hợp lệ (38 ngày tại Sở Nông nghiệp và Môi trường; 02 ngày tại TTPVHCC; 05 ngày tại UBND tỉnh).

Lưu ý: Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định kéo dài thêm tối đa (15 ngày).

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	- Bộ phận một cửa là cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đầy đủ lập phiếu tiếp nhận, thu phí thẩm định và chuyển cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng: Trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	02 ngày
B2	Phân công thực hiện	Lãnh đạo Phòng Địa chất và Khoáng sản	01 ngày
B3	- Kiểm tra hồ sơ; - Tham mưu Lãnh đạo Sở gửi Văn bản lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia về các nội dung có liên quan trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để phục vụ thẩm định hoặc trình Hội đồng tư vấn kỹ thuật để thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (trong trường hợp cần thiết). + Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, tham mưu Lãnh đạo Sở có Văn bản không thụ lý hồ sơ nêu rõ lý do (trả hồ sơ).	Phòng Địa chất và Khoáng sản	25 ngày

	+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện Báo cáo thăm dò khoáng sản, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua báo cáo hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo kèm theo biên bản phiên họp của Hội đồng và bản nhận xét của các ủy viên Hội đồng. (tạm dừng: 15 ngày).		
B4	Tiếp tục thẩm định hồ sơ, tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	Phòng Địa chất và Khoáng sản	09 ngày
B5	Xem xét hồ sơ, ký Tờ trình	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Thẩm định, xử lý hồ sơ, tham mưu Lãnh đạo UBND tỉnh việc quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, trường hợp không công nhận có văn bản nêu rõ lý do	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày
B9	Xem xét hồ sơ, ký nháy Quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hoặc văn bản không công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B10	Xem xét hồ sơ và ký Quyết định công nhận kết quả thăm dò hoặc Văn bản không công nhận kết quả thăm dò	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B11	UBND tỉnh trả hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B12	Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện TTHC và số hóa; chuyển toàn bộ hồ sơ và kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày
B13	Thông báo cho các tổ chức, cá nhân để nhận kết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

II. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (02 TTHC)

1. Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu (Mã TTHC: 1.003524)

- Thời gian giải quyết: 01 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	01 giờ
B2	Xem xét, thẩm định hồ sơ và trình lãnh đạo xem xét	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	03 giờ
B3	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 giờ
B4	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường đóng dấu, chuyển kết quả giải quyết	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 giờ
B5	Nhận kết quả giải quyết TTHC từ Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	01 giờ
B6	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2. Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu (Mã TTHC: 1.003486)

- Trường hợp Kiểm tra chặt : Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Xử lý, xem xét, thẩm định hồ sơ, lấy mẫu kiểm nghiệm; dự thảo kết quả giải quyết TTHC.	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	05 ngày làm việc
B3	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc

B4	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường đóng dấu, chuyển kết quả giải quyết	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc
B5	Nhận kết quả giải quyết TTHC từ Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	0,5 ngày làm việc
B6	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

- Trường hợp Kiểm tra thông thường: Thời gian thực hiện: 03 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Xử lý, xem xét, thẩm định hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	1,5 ngày làm việc
B3	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc
B4	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường đóng dấu, chuyển kết quả giải quyết	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
B5	Nhận kết quả giải quyết TTHC từ Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	0,5 ngày làm việc
B6	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian